TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH PHÚ YÊN

Số: 15/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

P, ngày 21 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1993
Trú ở: Thôn P, xã H Tây, huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1994
Trú ở: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện P. Địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Do ông Bùi Ngọc K, chức vụ Giám đốc làm đại diện.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Thu H thống nhất thỏa thuận giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lê Thị Huyền T, sinh ngày 14/6/2014; Giao cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lê Minh T, sinh ngày 30/4/2016. Anh T, chị H không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi chung con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Thu H thống nhất thỏa thuận anh T phải có nghĩa vụ giao trả cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) trong khối tài sản chung của vợ chồng. Thời hạn trả số tiền trên từ ngày 11/02/2019 đến ngày 07/6/2019 là dứt điểm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về nợ chung: Anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị Thu H và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện P thống nhất trả nợ vay trong thời kỳ hôn nhân như sau:

Anh Lê Văn T có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện P số tiền 9.472.115đ (chín triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn một trăm mười lăm đồng) (trong đó tiền gốc 8.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 11/02/2019 là 1.472.115đ), vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, mã món vay: 6600000701241240 (đã được ký kết giữa Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện P với hộ anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị Thu H). Về thời hạn trả nợ: Từ ngày 11/02/2019 đến ngày 17/3/2019, anh Lê Văn T phải trả số tiền 9.472.115đ (chín triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn một trăm mười lăm đồng) (theo như khế ước đã ký kết).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành 11/02/2019 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

- **Về án phí**: Anh Lê Văn T tự nguyện chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí HNGĐ-ST và 411.000đ *(Bốn trăm mười một nghìn đồng)* án phí DSST. Anh T đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: AA/2015 số: 0013267 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên. Do đó, anh T còn phải nộp tiếp 261.000đ *(Hai trăm sáu mươi mốt nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Phú Hòa;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Sơn